

Số: 262/KH-THCS KH

Kiến Hưng, ngày 06 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT  
ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở (THCS) Kiến Hưng.

2. Cổng thông tin điện tử:

- Địa chỉ: Đa Sỹ, Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02433 825317.

- Địa chỉ thư điện tử: [c2kienhung-hadong@hanoiedu.vn](mailto:c2kienhung-hadong@hanoiedu.vn)

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://thcskienhung.edu.vn>

3. Loại hình của nhà trường: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

4.1. Sứ mạng:

- Là xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, tiên tiến, thân thiện và tạo mọi điều kiện để học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển các năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác.

- Đào tạo cho xã hội những con người có đủ năng lực để xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

4.2. Tầm nhìn:

- Là cơ sở giáo dục và đào tạo học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, tiên tiến, có nhân cách trí tuệ thời đại, có khả năng thích ứng nhanh và có tinh thần hợp tác.

4.3. Mục tiêu của nhà trường:

a. Mục tiêu chung:

Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của quận và thành phố.

b. Mục tiêu cụ thể:

\* Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngày càng phát triển.



- Phổ cập ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học.
- Cán bộ quản lý có trình độ Thạc sĩ.
- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó 8,3% có trình độ Thạc sĩ.

\* Học sinh:

- Quy mô: Số lớp: 30 lớp, Số học sinh: 1365 em.
- Chất lượng học tập:
  - + 36% học sinh trở lên có kết quả học tập Tốt.
  - + Thi đỗ lớp 10 công lập: trên 90%.
  - + Học sinh đỗ trường chuyên: 01 em.
  - + Học sinh đạt giải trong các kì thi HSG của quận, thành phố, quốc gia.
- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống:
  - + 90% học sinh trở lên kết quả rèn luyện Tốt. Không có học sinh Chưa đạt về kết quả rèn luyện.
  - + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện.

\* Cơ sở vật chất:

Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được sửa chữa, xây dựng, bổ sung các trang thiết bị phục vụ dạy học đạt chuẩn.

Môi trường sư phạm đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

### 5. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THCS Kiến Hưng thuộc phường Kiến Hưng - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. Năm 1965 được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền xã Kiến Hưng, Trường cấp II Kiến Hưng được thành lập, đánh dấu một bước tiến quan trọng về sự phát triển giáo dục (GD) của địa phương. Lúc đầu, trường có ba lớp từ lớp 5 đến lớp 7, tổng số học sinh hơn 100 em. Thời kì này chưa xây dựng được trường nên học sinh phải học rải rác ở các tảo mạt Miếu, Đình, Chùa của làng Đa Sỹ và làng Mậu Lương.

Năm 1973 trường cấp II Kiến Hưng được xây dựng, đến năm 1974 khánh thành và đưa vào sử dụng. Đây là ngôi trường đầu tiên của thị xã Hà Đông được xây dựng do một phần ngân sách của xã và chủ yếu là của nhân dân địa phương đóng góp. Ngày 04/1/1975 Bộ trưởng Bộ giáo dục Nguyễn Văn Huyền đã về thăm trường và tặng nhà trường nhiều đồ dùng dạy học, động viên thầy và trò nhà trường cố gắng thi đua "Dạy tốt - Học tốt".

Năm học 1993 trường cấp II Kiến Hưng được đổi tên thành trường THCS Kiến Hưng.

U  
A  
A  
U  
H  
E  
N  
7

Thời kì 2004 - 2009, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) Phường Kiến Hưng, các ban ngành đoàn thể, đặc biệt có sự tham mưu tích cực của đồng chí Hiệu trưởng Trịnh Thị Quang trường THCS Kiến Hưng đã được xây dựng sang một địa điểm mới với diện tích là 10.013,8m<sup>2</sup>, một dãy phòng học kiên cố, đủ trang thiết bị cho thầy và trò dạy và học. Năm 2005 nhà trường chính thức được sử dụng trường mới với 12 phòng học, học sinh học 2 ca/ ngày. Năm học 2008-2009 trường THCS Kiến Hưng được UBND Thành phố Hà Đông, Tỉnh Hà Tây công nhận nhà trường đạt danh hiệu “Cơ quan văn hoá”.

Năm học 2009 - 2010: Với sự tham mưu tích cực của Ban giám hiệu nhà trường và được sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND phường Kiến Hưng đã đầu tư cho nhà trường đơn nguyên 2 và nhà tập thể chất, nhà xe ... tổng giá trị đầu tư trên 7 tỷ đồng.

Năm học 2023-2024: Nhà trường tiếp tục được Quận uỷ - UBND - HĐND quận Hà Đông đầu tư, xây dựng cho nhà trường đơn nguyên 3 gồm 09 phòng học, 01 phòng bộ môn ngoại ngữ, 01 phòng bộ môn công nghệ, 02 phòng bộ môn Khoa học tự nhiên, 01 phòng bộ môn Khoa học xã hội, 02 phòng bộ môn tin học, 01 phòng bộ môn âm nhạc, 01 phòng bộ môn mỹ thuật, 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng tham vấn học đường, 01 phòng hội trường, và các phòng tổ bộ môn. Trường có đủ các khối phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng phục vụ cho việc dạy và học, có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tháng 12 năm 2010, trường THCS Kiến Hưng được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I và tháng 7 năm 2015 được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia.

Tháng 10 năm 2011, nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Thành phố Hà Nội công nhận “Trường học thân thiện – Học sinh tích cực”.

Tháng 12 năm 2013, trường THCS Kiến Hưng được Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội công nhận là trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Tháng 9 năm 2020, trường THCS Kiến Hưng được UBND thành phố Hà Nội công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và Sở GDĐT Hà Nội công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2.

Năm học 2024 - 2025, nhà trường có 30 lớp với 1365 học sinh và 69 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ với Ban giám hiệu nhà trường xây dựng trật tự, kỉ cương trường học, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho các thầy, cô giáo, xây dựng đời sống văn hoá, tác phong làm việc nghiêm túc, năng động, sáng tạo và

hiệu quả. Nhà trường luôn chú trọng giáo dục toàn diện, phát triển số lượng, nâng cao chất lượng, lấy kỷ cương, tình thương, trách nhiệm làm tư tưởng chủ đạo cho mọi hoạt động của nhà trường. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, đi sâu bồi dưỡng học sinh giỏi, chú ý chất lượng đại trà, đảm bảo yêu cầu giáo dục toàn diện học sinh. Cán bộ quản lý đoàn kết, nhất trí trong chỉ đạo, có chuyên môn vững vàng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên tâm huyết với nghề; Học sinh đa số các em ngoan nên việc giảng dạy và học tập của trường những năm gần đây đã có những thành tích đáng ghi nhận.

Trong năm năm gần đây nhà trường có 6 thầy cô giáo đạt giải giáo viên dạy giỏi cấp quận. Nhà trường đạt nhiều giải trong các cuộc thi: Cuộc thi thiết kế bài giảng Elearning cấp thành phố đạt giải Ba, cấp quận đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 01 giải Khuyến khích; nhiều SKKN được xếp loại cấp quận; cuộc thi Xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng STEM, thiết bị dạy học số cấp quận đạt 03 giải Nhì; Gian trưng bày các sản phẩm CNTT cụm 5 (gồm các trường THCS: Văn Yên, Kiến Hưng, Vạn Phúc, Phú Lương, Hà Nội-Thăng Long, Marie Curie-Hà Đông) đạt giải Nhất cấp quận; Khiêu vũ tập thể cụm các trường Mầm non, Tiểu học và THCS phường Kiến Hưng đạt giải Nhì trong Ngày hội Công nghệ thông tin và STEM và Ngày hội Văn hóa thể thao cấp quận; 2 năm học liền đạt giải Nhất cấp quận cuộc thi Festival Tiếng Anh... Nhà trường có học sinh đạt giải cấp thành phố. Tỷ lệ lên lớp thẳng đạt 98,2%. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp của học sinh lớp 9 trong 5 năm đạt 100%; Tỷ lệ học sinh đỗ vào THPT công lập là trong 5 năm đạt từ 88,24% đến 99,12%.

Đây là sự cố gắng nỗ lực về mọi mặt của thầy và trò trường THCS Kiến Hưng, được các cấp ghi nhận và đánh giá cao. Chi bộ đạt “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” và “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”, Chi đoàn được đánh giá “*có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Thanh niên*”, Công đoàn đạt “*Công đoàn xuất sắc*” cấp quận; nhà trường đạt “*Đơn vị Tiên tiến về thể dục thể thao*”, Liên đội nhiều năm liên tục được Hội đồng đội quận tặng giấy khen. Nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng Bằng khen, UBND thành phố Hà Nội tặng Giấy khen danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, UBND quận Hà Đông tặng Giấy khen danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

Trải qua chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, nhà trường gặp không ít khó khăn, nhưng được sự quan tâm của Đảng, chính quyền các cấp và sự gắn kết đội ngũ thầy cô giáo vượt mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ, được sự quan tâm đồng hành của cha mẹ học sinh và nhân dân nên trường THCS Kiến Hưng đã từng bước trưởng thành. Một ngôi trường có truyền thống dạy tốt, học tốt và là một địa chỉ đáng tin cậy của con em nhân dân phường Kiến

Hung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Nhiều thế hệ học sinh đã trở thành các nhà khoa học với các học hàm học vị khác nhau như giáo sư, tiến sĩ... Có cựu học sinh đã trở thành tướng lĩnh trong quân đội, nhà nghiên cứu khoa học, nhà giáo, nhà quản lý giỏi, lãnh đạo doanh nghiệp thành đạt... Có thể nói rằng, các thế hệ học sinh của trường là niềm tự hào, là một phần lịch sử của Kiến Hưng.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bạch Loan.  
 - Chức vụ: Hiệu trưởng.  
 - Địa chỉ nơi làm việc: Đa Sỹ, Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Số điện thoại: 0913 030 443.

- Địa chỉ thư điện tử: Bloan.69@gmail.com

#### **7. Tổ chức bộ máy**

a. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định số 1189/QĐ-PGDĐT ngày 03/11/2022 của Phòng GDĐT quận Hà Đông về việc thành lập Hội đồng trường THCS Kiến Hưng, quận Hà Đông, nhiệm kỳ 2022-2027.

b. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND quận Hà Đông về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Kiến Hưng.

- Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND quận Hà Đông về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Kiến Hưng.

c. Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng nhiệm vụ quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường.

\* Chức năng:

- Trường THCS Kiến Hưng là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Trường THCS Kiến Hưng chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND quận Hà Đông. Đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Trung học phổ thông nhiều cấp học.

\* Nhiệm vụ:

Trường THCS Kiến Hưng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường THCS được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:



- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

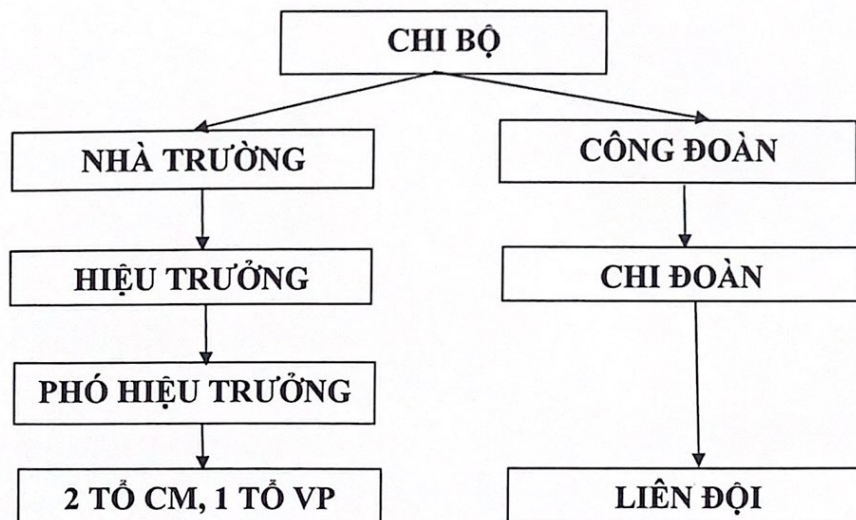
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

\* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường



**8. Các văn bản khác:**

- Kế hoạch số 255/KH-THCS KH ngày 25/9/2023 của Trường THCS Kiến Hưng về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023 - 2028, tầm nhìn 2030.

- Kế hoạch 261/KH-THCS KH ngày 05/9/2024 của trường THCS Kiến Hưng về kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025.

- Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024 - 2025 của Hiệu trưởng Trường THCS Kiến Hưng.

- Quyết định số /QĐ-THCS KH / /20 của Hiệu trưởng Trường THCS Kiến Hưng về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường năm 2024.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành BDTX	
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt		Chưa đạt
<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>													
<b>I</b>	<b>CBQL:</b>	<b>2</b>			<b>2</b>				<b>2</b>				<b>2</b>
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1
2	Phó Hiệu trưởng	1			1				1				1
<b>II</b>	<b>Giáo viên:</b>	<b>56</b>	<b>9</b>		<b>47</b>				<b>17</b>	<b>18</b>	<b>1</b>		<b>36</b>
1	Giáo viên THCS hạng I												
2	Giáo viên THCS hạng II	23	1		22				9	13	1	0	23
3	Giáo viên THCS hạng III	14	4		10				8	5	0	0	13
4	Giáo viên hợp đồng	19	4		15								
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>11</b>			<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>						
	Nhân viên Văn thư	1			1								
	Nhân viên Kế toán	1			1								
	Nhân viên Thủ quỹ	0			0								
	Nhân viên Y tế học đường	1			0		1						
	Nhân viên Thư viện	1			1								
	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	1				1							
	Nhân viên hỗ trợ	0											

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành BDTX	
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt		Chưa đạt
	giáo dục người khuyết tật												
	Nhân viên công nghệ thông tin	0											
	Bảo vệ	2					2						
	Nhân viên phục vụ	4			1		1	2					

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

**1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.**

- a. Diện tích khu đất xây dựng trường: 10.013,8 m<sup>2</sup>.
- b. Điểm trường: 1.
- c. Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 7,34 m<sup>2</sup>/HS
- d. Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: thiếu 2,66 m<sup>2</sup> (Theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT, điều 13 khoản 3 quy định về diện tích khu đất xây dựng trường và điểm trường, diện tích khu đất xây dựng trường được xác định dựa trên bình quân tối thiểu 10 m<sup>2</sup> cho một học sinh).

**2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.**

a. Khối phòng hành chính quản trị: gồm có:

- 01 phòng Hiệu trưởng.
- 01 phòng Phó hiệu trưởng.
- 01 phòng kế toán, thủ quỹ.
- 01 phòng văn thư.
- 01 văn phòng.
- 01 phòng bảo vệ.
- 06 phòng vệ sinh giáo viên.
- 01 khu để xe giáo viên.

\* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về

G  
Đ  
Đ  
T



quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b. Khối phòng học tập:

- Có 32 phòng học văn hóa; 09 phòng bộ môn (01 phòng bộ môn ngoại ngữ, 01 phòng bộ môn công nghệ, 02 phòng bộ môn Khoa học tự nhiên, 02 phòng bộ môn tin học, 01 phòng bộ môn âm nhạc, 01 phòng bộ môn mỹ thuật, 01 phòng bộ môn Khoa học xã hội).

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

c. Khối phòng hỗ trợ học tập: gồm có:

- 01 phòng thư viện.
- 01 phòng thiết bị giáo dục.
- 01 phòng truyền thống.
- 01 phòng Đoàn, Đội.
- 01 phòng tư vấn học đường.

\* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

d. Khối phụ trợ:

- 01 phòng họp Hội đồng.
- 02 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn.
- 01 phòng y tế.
- 01 nhà kho.
- 01 khu để xe học sinh.
- 20 phòng vệ sinh học sinh nam - nữ riêng biệt.
- Cổng, hàng rào ngăn cách với bên ngoài, cổng trường kiên cố, vững chắc và biển tên trường.

\* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

e. Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có diện tích 3.500 m<sup>2</sup>.

- Khu sân chơi: Có sân chung của nhà trường, là nơi tổ chức các hoạt động của toàn trường, mặt sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát.



- Sân thể dục thể thao: Bên cạnh sân chơi nhà trường còn có khu nhà đa năng phục vụ dạy học thể dục thể thao, bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Chưa đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Vì diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh nhà trường hiện nay là: 7,34 m<sup>2</sup>/HS, còn thiếu 2,66 m<sup>2</sup>/HS so với quy định bình quân tối thiểu 10 m<sup>2</sup> cho một học sinh.

f. Khối phục vụ sinh hoạt: Nhà trường có tổ chức bán trú cho học sinh các khối lớp, gồm có:

- 01 nhà bếp.
- 01 kho bếp.
- 01 nhà ăn.
- 09 phòng ngủ riêng cho học sinh nam và nữ (ngủ trên lớp học).

\* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Chưa đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Vì phòng ngủ cho học sinh bán trú vẫn chung với lớp học.

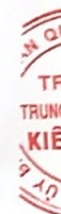
g. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống cấp nước sạch:

Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần nước sạch Hà Đông đạt tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành cung cấp nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống cấp nước sinh hoạt khác đảm bảo đường ống nước, hệ thống thoát nước, cống thông, rãnh có nắp đậy.

- Hệ thống cấp điện: Đảm bảo công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường. Trường có hệ thống tủ điện riêng biệt giữa khu phòng học và khu nhà đa năng.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Đảm bảo theo các quy định hiện hành, hàng năm đều được cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ quận Hà Đông kiểm tra định kì. Hiện nhà trường có 24 bình bột 6kg, 2 bình khí, 25 bình bột 4kg, 1 cuộn dây, 1 cái họng nước, 5 cái xô xách nước, 1 cái máy bơm, 13 bảng tiêu lệnh được đặt ở các nơi quy định: Các hành lang, nhà thể chất, phòng bảo vệ, nhà xe, trạm bơm,..... Có tủ đựng các thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.



- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Hệ thống mạng internet được trang bị, kết nối với các phòng bộ môn, khu Hiệu bộ phục vụ hiệu quả các hoạt động dạy và học của nhà trường.

- Khu thu gom rác thải: Bố trí độc lập, cách xa các khối phòng học chức năng. Trường có 30 thùng rác loại lớn. Các thùng được bố trí ở các dãy hành lang lớp học, trong khuôn viên trường và khu nhà thi đấu, các khu vệ sinh.

\* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đáp ứng đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

### 3. Số thiết bị dạy học hiện có:

- Máy chiếu: Có 28 máy chiếu được trang bị ở 28 phòng học văn hóa, 01 phòng hội đồng, 01 phòng bộ môn Âm nhạc, 01 phòng bộ môn Mĩ thuật, 02 phòng bộ môn KHTN, 01 phòng bộ môn KHXH, 02 phòng bộ môn Tin, 01 phòng bộ môn Ngoại ngữ, ngoài ra trường còn 02 cái dự phòng. Tổng số máy chiếu là 39 máy.

- Máy tính: 17.

- Tivi: 02 tivi được trang bị ở 02 phòng học văn hóa.

- Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt gió, các thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù từng bộ môn.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

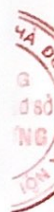
#### a. Sách giáo khoa lớp 6:

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
<b>SÁCH GIÁO KHOA</b>			
1	Toán 6 T1	Cánh diều	ĐHSP
2	Toán 6 T2	Cánh diều	NXB GDVN
3	Ngữ văn 6 T1	Cánh diều	ĐHSP
4	Ngữ văn 6 T2	Cánh diều	ĐHSP TPHCM
5	Tiếng anh 6 T1	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
6	Tiếng anh 6 T2	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
7	GDCD 6	Cánh diều	NXB GDVN
8	Khoa học TN 6	Kết nối tri thức	NXB GDVN
9	Lịch sử và địa lí 6	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
10	Tin học 6	Kết nối tri thức	NXB GDVN
11	Công nghệ 6	Kết nối tri thức	NXB GDVN
12	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức	NXB GDVN
13	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
14	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức	NXB GDVN
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
<b>SÁCH BÀI TẬP BỔ TRỢ</b>			
16	BT Toán 6 T1	Cánh diều	ĐHSP
17	BT Toán 6 T2	Cánh diều	NXB GDVN
18	BT Tiếng anh 6 T1	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
19	BT Tiếng anh 6 T2	Chân trời sáng tạo	NXB GDVN
20	BT Lịch sử và địa lí 6 - phần lịch sử	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
21	BT Lịch sử và địa lí 6 - phần Địa lí	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
22	BT âm nhạc	Kết nối tri thức	NXB GDVN

**b. Sách giáo khoa lớp 7:**

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
<b>SÁCH GIÁO KHOA</b>			
1	Toán 7 tập 1	Cánh diều	ĐHSP
2	Toán 7 tập 2	Cánh diều	ĐHSP
3	Ngữ văn 7 T1	Cánh diều	ĐHSP
4	Ngữ văn 7 T2	Cánh diều	ĐHSP
5	GDCD 7	Cánh diều	ĐHSP
6	Khoa học tự nhiên 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
7	Tin học 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
8	Công nghệ 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
9	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
10	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
11	Lịch sử và địa lí 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
12	Mĩ thuật 7 Bản 1	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
13	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7 bản 1	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
14	Tiếng anh 7 (sách học sinh) global success	Chân trời sáng tạo	Giáo dục



Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
<b>SÁCH BÀI TẬP</b>			
15	BT Toán 7 T1	Cánh diều	ĐHSP
16	BT Toán 7 T2	Cánh diều	ĐHSP
17	Tiếng anh 7 (sách bài tập)	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
18	BT khoa học tự nhiên 7	Kết nối tri thức	Giáo dục
19	BT Lịch sử và địa lí 7 - phần lịch sử	Kết nối tri thức	Giáo dục
20	BT Lịch sử và địa lí 7 - phần Địa lí	Kết nối tri thức	Giáo dục
21	BT Âm nhạc 7	Kết nối tri thức	Giáo dục

*c. Sách giáo khoa lớp 8:*

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
<b>SÁCH GIÁO KHOA</b>			
1	Toán 8 tập 1	Cánh diều	ĐHSP
2	Toán 8 tập 2	Cánh diều	ĐHSP
3	Ngữ văn 8 T1	Kết nối tri thức	Giáo dục
4	Ngữ văn 8 T2	Kết nối tri thức	Giáo dục
5	GDCD 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
6	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
7	Tin học 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
8	Công nghệ 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
9	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
10	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
11	Lịch sử và địa lí 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
12	Mĩ thuật 8 Bản 2	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
13	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
14	Tiếng anh 8 (sách học sinh) global success	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
<b>SÁCH BÀI TẬP</b>			
15	BT Toán 8 T1	Cánh diều	ĐHSP
16	BT Toán 8 T2	Cánh diều	ĐHSP
17	BT Ngữ văn 8 T1	Kết nối tri thức	Giáo dục
18	BT Ngữ văn 8 T2	Kết nối tri thức	Giáo dục



Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
19	Tiếng anh 8 (sách bài tập)	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
20	BT khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức	Giáo dục
21	BT Lịch sử và địa lí 8 - phần lịch sử	Kết nối tri thức	Giáo dục
22	BT Lịch sử và địa lí 8 - phần Địa lí	Kết nối tri thức	Giáo dục
23	BT Âm nhạc 8	Kết nối tri thức	Giáo dục

**d. Sách giáo khoa lớp 9:**

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
<b>SÁCH GIÁO KHOA</b>			
1	Toán 9 tập 1	Kết nối tri thức	ĐHSP
2	Toán 9 tập 2	Kết nối tri thức	ĐHSP
3	Ngữ văn 9 T1	Cánh diều	ĐHSP
4	Ngữ văn 9 T2	Cánh diều	ĐHSP
5	GDCD 9	Cánh diều	ĐHSP
6	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
7	Tin học 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
8	Công nghệ 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
9	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
10	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
11	Lịch sử và địa lí 9	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
12	Mĩ thuật 9 Bản 1	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
13	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9 bản	Kết nối tri thức	Giáo dục
14	Tiếng anh 9 (sách học sinh) global success	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
<b>SÁCH BÀI TẬP</b>			
15	BT Toán 9 T1	Kết nối tri thức	ĐHSP
16	BT Toán 9 T2	Kết nối tri thức	ĐHSP
17	BT khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
18	BT hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
19	BT Lịch sử và địa lí 9 - phần lịch sử	Chân trời sáng tạo	Giáo dục

Số TT	Môn	Tên sách	Nhà xuất bản
20	BT Lịch sử và địa lí 9 - phần Địa lí	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
21	BT Âm nhạc 9	Kết nối tri thức	Giáo dục
22	Tập bản đồ - thực hành Lịch sử và Địa lí 9 phần Lịch sử	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
23	Tập bản đồ - thực hành Lịch sử và Địa lí 9 phần Địa lí	Chân trời sáng tạo	Giáo dục
24	Át lát địa lí Việt Nam	Chân trời sáng tạo	Giáo dục

#### IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

\* Năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá theo hướng dẫn Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT.

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%.

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 28 /28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%.

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 11/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 55%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 9/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 45%.

Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 6/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%.

Mức tự đánh giá của Trường: Mức 2.

\* Tháng 9 năm 2020, trường THCS Kiến Hưng được UBND thành phố Hà Nội công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và Sở GDĐT Hà Nội công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Sau khi được công nhận đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2; hàng năm trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2021, 2022, 2023, 2024.

Nhà trường đang thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để đến năm 2025, nhà trường đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tiếp tục đề xuất, tham mưu với các cấp đầu tư xây dựng, bổ sung các tiêu chí chưa đạt của trường đạt chuẩn quốc gia để đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào năm 2025.

## **2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục,**

- Tháng 12 năm 2010, trường THCS Kiến Hưng được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I.

- Tháng 12 năm 2013, trường THCS Kiến Hưng được Sở GDĐT Thành phố Hà Nội công nhận là trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Tháng 7 năm 2015, trường THCS Kiến Hưng được UBND Thành phố Hà Nội công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Tháng 9 năm 2020, trường THCS Kiến Hưng được UBND thành phố Hà Nội công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và Sở GDĐT Hà Nội công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học**

#### **a. Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025:**

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Đối tượng: Những học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm học 2023-2024 tại trường Tiểu học Kiến Hưng và các trường Tiểu học trong quận Hà Đông, hiện đang sinh sống cùng gia đình trên địa bàn tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18 và Khu đô thị Kiến Hưng - phường Kiến Hưng - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội.

- Độ tuổi:

+ Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2013).

+ Những trường hợp đặc biệt: Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học; học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

- Hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

HÀ  
IG  
CƠ S  
ỨNG  
TỌA



+ Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

+ Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có).

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

- Chỉ tiêu và tuyển tuyển sinh:

+ Số lớp: 8 lớp.

+ Số học sinh: 360 học sinh.

+ Tuyển tuyển sinh: Học sinh học tại trường Tiểu học Kiến Hưng và các trường Tiểu học trong quận Hà Đông, hiện đang sinh sống cùng gia đình trên địa bàn tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18 và Luxury - phường Kiến Hưng - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội.

\* Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025:

- TS lớp 6 đã tuyển sinh: 07 lớp; Tổng số HS lớp 6 đã tuyển sinh: 319 em, đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu: 88,61%.

Trong đó :

+ Số học sinh đăng ký trực tuyến: 220, đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu: 61,11%.

+ Số học sinh đăng ký trực tiếp: 99, đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu: 27,5%.

- Giới tính: Nam: 167; Nữ: 152.

- Học sinh đúng độ tuổi: 310.

- Trước tuổi so với quy định: 0. Nam: 0; Nữ: 0.

- Lớn tuổi hơn quy định: 09. Nam: 08; Nữ: 01.

- Học sinh thuộc diện ưu tiên: 01. Nam: 01; Nữ: 0.

- Số học sinh là người dân tộc thiểu số: 7. Nam: 01; Nữ: 06.

- Số học sinh khuyết tật: 01. Nam: 01; Nữ: 0.

- Số học sinh /lớp: 45,57.

- Tổng số học sinh có đủ hồ sơ và được xét duyệt theo quy định: 319, đạt tỷ lệ: 100%.

- Số lượng học sinh đã đăng ký tuyển sinh trực tiếp và trực tuyến nhưng chưa được duyệt vì thiếu Hồ sơ: 0, tỷ lệ: 0%.

- Tổng số học sinh đúng tuyển: 318, đạt tỷ lệ 99,69%.

+ Đối tượng 1: 179 học sinh.

+ Đối tượng 2: 7 học sinh.

+ Đối tượng 3: 132 học sinh.

+ Đối tượng 4: 1 học sinh.



- Số học sinh đăng ký tuyển sinh và trúng tuyển thiếu so với chỉ tiêu được giao: 41 HS.

**b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

Diễn giải	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		Toàn trường	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng số HS	322		441		335		268		1366	
<b>Kết quả rèn luyện</b>										
Tốt	288	89,44	414	93,88	315	94,03	251	93,66	1268	92,83
Khá	32	9,94	25	5,67	18	5,37	14	5,22	89	6,52
Đạt	2	0,62	2	0,45	2	0,60	3	1,12	9	0,65
Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Kết quả học tập</b>										
Tốt	117	36,34	167	37,87	127	37,91	89	33,21	500	36,60
Khá	127	39,44	178	40,36	129	38,51	105	39,18	539	39,46
Đạt	72	22,36	90	20,41	72	21,49	68	25,37	302	22,11
Chưa đạt	6	1,86	6	1,36	7	2,09	6	2,24	25	1,83

**2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước**

- Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Thực tế		Ghi chú
		Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	
1	Khối lớp 6	8	360	9	447	Vượt chỉ tiêu

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	9	7	6	6
2	Số học sinh	436	333	276	241
3	Số học sinh bình quân/lớp	44,44	47,57	46	40,17
4	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0
5	Số học sinh nam/học sinh nữ	204/202	176/157	131/145	103/138
6	Số học sinh người dân tộc	11	14	7	6
7	Số học sinh khuyết tật, hòa nhập	2	3	1	3
8	Số học sinh chuyển trường	8	12	18	0
9	Số học sinh tiếp nhận	0	13	7	6

- Kết quả học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp, HS tốt nghiệp THCS, HS trúng tuyển vào các trường THPT công lập.

STT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	9	7	6	6
2	Số học sinh	436	333	276	241
3	Số học sinh được lên lớp	433	330	270	241
4	Số học sinh tốt nghiệp THCS				241
5	Số học sinh trúng tuyển lớp 10 THPT công lập				126

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác).

(ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn kinh phí	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Ngân sách nhà nước	6058	7399	
Học phí	2062	2115	
Học thêm	2480	2530	
<b>Tổng cộng</b>	<b>10600</b>	<b>12044</b>	

b. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

(ĐVT: Triệu đồng)

Nội dung chi	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Chi tiền lương và thu nhập	6338	7462	
Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	886	1492	
Chi hỗ trợ người học	18	20	

Nội dung chi	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Chi khác	320	540	
<b>Tổng cộng</b>	<b>7562</b>	<b>9514</b>	

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.**

a) Năm học 2023-2024:

- Học thêm: 6000 - 7.000đ/tiết/HS.

..- Học Phí : 155.000đ/HS .

- Trại 26/3:180.000đ/HS/HĐộng.

b) Năm học 2024-2025:

- Học thêm: 9.000 - 26.000 đ/tiết/HS.

.- Học phí : 155.000 đ/HS.

**3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.**

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Học phí	42	44	
Hỗ trợ chi phí học tập	17	18	

**4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù năm 2023:**

Ngân sách nhà nước: 125 triệu.

Học phí: 844 triệu.

Các quỹ dịch vụ khác: 226 triệu.

**5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.**

a) Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGD ngày 06/6/2024, có hiệu lực ngày 19/7/2024 thay thế Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

b) Công khai theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

+ Tỷ lệ HS đạt danh hiệu Học sinh xuất sắc: 1,68%.

+ Tỷ lệ HS đạt danh hiệu Học sinh giỏi: 34,92%.

+ Tỷ lệ HS được lên lớp thẳng: 98,17%.

+ Tỷ lệ HS được xét tốt nghiệp THCS: 97,76%.



+ Tỷ lệ HS lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập đạt tỷ lệ trên 90%; gần 10% số HS đi học các trường THPT dân lập, trường nghề ..., điểm trung bình các môn dự thi đạt 7,4 điểm.

+ Tỷ lệ HS lớp 9 thi đỗ nghề phổ thông (nếu có): 100%.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.

+ Tổ chức được 4 hoạt động giáo dục kỹ năng sống/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.

+ Tỷ lệ học sinh đạt học sinh giỏi cấp trường 5,5%; cấp quận 2,56%; cấp thành phố 0,15%.

**\* Các danh hiệu thi đua:**

- Danh hiệu Tập thể:

+ Danh hiệu Chi bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Danh hiệu trường: Tập thể lao động xuất sắc.

+ Công đoàn: Tiên tiến cấp cơ sở.

- Danh hiệu đối với cá nhân:

+ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 7/47 đồng chí - đạt tỷ lệ 14,89%

+ Lao động tiên tiến: 40/47 đồng chí - đạt tỷ lệ 85,11%

- Các danh hiệu khác:

+ Giữ vững danh hiệu Đơn vị văn hóa.

+ Giữ vững danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

+ Đơn vị tiên tiến cấp cơ sở về phong trào thể dục thể thao.

+ Thư viện đạt chuẩn.

+ Liên đội mạnh cấp quận.

- Hình thức khen thưởng: Giấy khen của UBND thành phố.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**HIỆU TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Bạch Loan*